**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ AYUN PA**
**TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20-8-2021
"Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUN PA - TỈNH GIA LAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Siu Lanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Nhàn.

2. Ông Nguyễn Đức Thại.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Ông Nay Ha -Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 01 năm 2021, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX-ST, ngày 08 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1999;
Địa chỉ: Thôn T, xã I, huyện Ph, tỉnh G. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Bị đơn: Anh Dương Trần Nghi Q, sinh năm 1997;
Địa chỉ: 11 H, tổ 7, phường S, thị xã A, tỉnh G. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 25/01/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Dương Trần Nghi Q chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND phường S, thị xã A, tỉnh G trên cơ sở tự nguyện. Trong cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra

mâu thuẫn, cãi vã vì bất đồng quan điểm, ngoài ra anh Q còn hay đánh chị, chửi bới, xúc phạm chị làm cho cuộc sống gia đình rất ngột ngạt. Vì con nên chị cố gắng chịu đựng nhưng đến nay thì không thể chịu đựng thêm được nữa. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2020 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa. Nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên chị yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Dương Trần Nghi Q.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Dương Trần Trung K, sinh ngày 06/4/2018 hiện đang sống với anh Q. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu giao con chung cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn anh Dương Trần Nghi Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, trong quá trình tham gia tố tụng tại Bản khai ngày 12/3/2021 anh Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Q thống nhất đồng ý với lời trình bày của chị Trần Thị Ngọc H về thời gian chung sống, năm kết hôn, cơ sở của việc kết hôn và con chung. Quá trình chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay lâu lâu cũng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân tại anh Q mà ra nhưng những mâu thuẫn đó có thể sửa chữa được. Vì còn tình cảm và còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn mà muốn được đoàn tụ gia đình.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị H trình bày là đúng. Tuy nhiên do không đồng ý ly hôn nên anh Q không có ý kiến gì.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q không có ý kiến và yêu cầu gì.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H đã chấp hành và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Dương Trần Nghi Q không chấp hành và không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình như không đến phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Q là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho chị Trần Thị Ngọc H ly hôn với anh Dương Trần Nghi Q.

Về con chung: Giao con chung Dương Trần Trung K, sinh ngày 06/4/2018 cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị H phải chịu là 600.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bị đơn anh Dương Trần Nghi Q có nơi cư trú tại: số 11 đường H, Tổ 7, phường S, thị xã A, tỉnh G nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

Ngày 15/6/2021 nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Dương Trần Nghi Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về phạm vi giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Dương Trần Nghi Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, biết được các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên anh Q không có yêu cầu phản tố; không giao, nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc H và anh Dương Trần Nghi Q xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/10/2017 tại Ủy ban nhân dân phường S, thị xã A, tỉnh G theo quy tại khoản 1, khoản 5 Điều 3 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cũng quy định, Tòa án chỉ giải quyết cho ly hôn nếu *"...có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*.

Xét thấy, quá trình sống chung giữa chị H và anh Q đã nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân do vợ chồng không hoà hợp, không có sự quan tâm, chia sẻ trách nhiệm và thường xuyên xảy ra cãi nhau, ngoài ra anh Q còn hay đánh đập, xúc phạm chị H. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2020 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Q. Anh Q cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là tại anh Q mà ra nhưng anh không đồng ý ly hôn. Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình ngày 05/4/2021 ở địa phương thể hiện: "Thời gian gần đây có nghe vợ chồng anh Q, chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và hiện không còn sống chung với nhau nữa…". Như vậy, hành vi của anh Q là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người chồng, là nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Q đến Tòa án để hòa giải nhưng anh Q không hợp tác. Về phía anh Q tuy không đồng ý ly hôn nhưng trong thời gian dài vợ chồng sống ly thân anh Q lại không chịu sửa chữa, không có biện pháp gì để níu kéo, giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Điều này chứng tỏ anh Q không có thiện chí muốn được đoàn tụ gia đình, không coi trọng, quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng và không muốn tiếp tục xây dựng gia đình với chị H nữa.

Xét thấy, vợ chồng chị H, anh Q đã sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng là có thật và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị Trần Thị Ngọc H được ly hôn với anh Dương Trần Nghi Q là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh Q có 01 con chung là Dương Trần Trung K, sinh ngày 06/4/2018 hiện đang sống với anh Q. Chị H yêu cầu giao con cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng, chị Huyền tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao*

*con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".* Xét thấy, từ khi sống ly thân đến nay cháu K được anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc phát triển bình thường. Do đó để cháu có cuộc sống ổn định, không bị xáo trộn HĐXX xét thấy cần tiếp tục giao cháu K cho anh Q trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, hiện nay cháu K còn nhỏ cần phải được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và học hành nên việc cấp dưỡng nuôi con là cần thiết. Do đó, tuy anh Q không có ý kiến, yêu cầu gì về vấn đề cấp dưỡng nuôi con nhưng HĐXX xét thấy để đảm bảo cho cuộc sống của cháu K cần buộc chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Về mức cấp dưỡng: Xét thấy hiện chị H đang làm nghề pha chế tại thành phố H có thu nhập 6.000.000 đồng/tháng, mức thu nhập trên là phù hợp với thu nhập bình quân của những người lao động phổ thông. Do đó, mức cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng theo yêu cầu của chị H là phù hợp để chấp nhận. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K thành niên (đủ 18 tuổi) và tự lập được.

[2.4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Trần Thị Ngọc H và anh Dương Trần Nghi Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa là có căn cứ nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 96, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc H.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc H ly hôn với anh Dương Trần Nghi Q.

**2.** Về con chung: Giao con chung Dương Trần Trung K, sinh ngày 06/4/2018 cho anh Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên (đủ 18

tuổi) hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự; không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

**3.** Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Ngọc H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cháu Dương Trần Trung K, sinh ngày 06/4/2018 hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự; không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

**4.** Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh Q không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**5.** Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng 600.000 đồng. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0009178, ngày 25/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Chị H còn tiếp tục phải nộp 300.000 đồng.

**6.** Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/8/2021) các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Thị Nhàn** **Nguyễn Đức Thại** **Siu Lanh**

***Nơi nhận***:
- VKSND thị xã Ayun Pa;
- Các đương sự ;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS thị xã Ayun Pa;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Siu Lanh**